



CUỘC KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TOÀN CẦU VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐẾN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

PGS.TSKH TRẦN NGUYỄN TUYẾN*

1. Vài nét về cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay.

Cuộc khủng hoảng tài chính của Mỹ hiện nay bắt nguồn từ chính sách cho vay tín dụng dưới chuẩn (Subprime) hay còn gọi là tín dụng thế chấp rủi ro cao đối với thị trường bất động sản và việc thực thi chính sách tiền tệ nới lỏng “đồng đô la rẻ”, trong khi thiếu cơ chế giám sát chặt chẽ của chính phủ, đã dẫn đến sự hình thành “siêu bong bóng” tài chính và bất động sản. Sự phát triển của nhiều dịch vụ và sản phẩm tài chính mới trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, biến đổi các khoản cho vay thành công cụ đầu tư, khiến thị trường tín dụng phục vụ cho thị trường bất động sản trở thành sân chơi cho nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. Trong điều kiện không có sự kiểm soát chặt chẽ của nhà nước, quá trình này đã tích tụ, dẫn đến chấm ngòi nổ cho sự đổ vỡ đối với thị trường tín dụng nhà đất, sau đó, lan dây chuyền sang hệ thống tài chính ngân hàng Mỹ. Chính việc phá sản của các tập đoàn như Fannie Mae, Freddie Mac và các ngân hàng lớn như Lehman Brothers (ngân hàng đầu tư lớn thứ 5 của Mỹ), Merrill Lynch... và gần đây là City Bank Group đã cho thấy rõ điều đó. Nhiều ngân hàng nộp đơn xin trợ cấp từ Chương trình hỗ trợ của chính phủ để tránh lâm vào khủng hoảng.

Khác với cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á năm 1997-1998 là khủng hoảng cơ cấu mang tính chất khu vực, cuộc

khủng hoảng tài chính lần này mức độ trầm trọng hơn trong bối cảnh toàn cầu hoá, không chỉ trong lĩnh vực tài chính ngân hàng mà đã lan sang các ngành sản xuất, dịch vụ và tác động ở quy mô toàn cầu, thời gian có khả năng kéo dài hơn, do vậy, việc khắc phục hậu quả sẽ khó khăn hơn.

Không chỉ dừng lại ở các nền kinh tế hàng đầu thế giới như EU, Nhật Bản, “con bão tài chính” toàn cầu khởi nguồn từ Mỹ ngày 15-9-2008 vừa qua đang tràn qua các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Bra-xin... là những nơi được dự đoán là ít chịu tác động nhất. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái của kinh tế Mỹ đang ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều nước trên thế giới.

Hầu hết các nền kinh tế lớn ở Đông Nam Á đều định hướng xuất khẩu và phụ thuộc nhiều vào thương mại quốc tế và đầu tư nước ngoài. Do vậy, dù ở mức độ khác nhau, các nước trong khu vực Đông Nam Á dễ bị tác động của xu hướng giảm sút thương mại và đầu tư trên thế giới hiện nay. Trước mắt, lĩnh vực xuất khẩu, thị trường chứng khoán và thị trường tiền tệ khu vực đang chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Về mặt lý thuyết, có thể đây là sự khủng hoảng của mô hình chủ nghĩa tư

* Ban Đối ngoại Trung ương.

bản với kinh tế thị trường tự do mới mà định hướng chủ yếu là đẩy mạnh hoạt động của thị trường tự do, khuyến khích tư nhân hoá và hạn chế sự can thiệp kiểm soát của nhà nước. Thực tế đòi hỏi chủ nghĩa tư bản phải có những lý thuyết điều chỉnh mới phù hợp với tình hình đã thay đổi.

Cuộc đại khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã đánh dấu sự sụp đổ của tư tưởng tự do kinh tế, lý thuyết kinh tế tự điều chỉnh với "bàn tay vô hình" là thị trường bị thất bại dẫn đến sự ra đời của lý thuyết kinh tế "chủ nghĩa tư bản có điều tiết" của J.Keynes ra đời năm 1936, chủ trương nhà nước can thiệp, điều tiết nền kinh tế. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1974-1975, với những căn bệnh trầm trọng của chủ nghĩa tư bản như lạm phát gắn với suy thoái, khủng hoảng cơ cấu đã làm cho học thuyết của J.Keynes rơi vào phá sản.

Suốt trong thời gian dài từ thập kỉ 80 thế kỉ XX đến nay, lý thuyết chi phối sự vận hành của nền kinh tế Mỹ bắt nguồn từ lý thuyết kinh tế thị trường tự do mới của R.Reagan và M.Thatcher. Cuộc khủng hoảng tài chính trầm trọng tại nền kinh tế lớn nhất thế giới đã khiến ông Greenspan sau hơn 18 năm làm chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED), một người vốn tin tưởng tuyệt đối vào điều tiết của thị trường tự do, đã thừa nhận sự thất bại của mô hình chủ nghĩa tư bản với kinh tế thị trường tự do mới. Ông đề nghị chính phủ Mỹ xem xét ban hành các quy định quản lý kinh tế chặt chẽ hơn, để các định chế tài chính không thể mạo hiểm bỏ vốn vào các khoản đầu tư rủi ro, sau đó chính phủ lại phải đứng ra cứu trợ, thiếu sự kiểm soát của nhà nước trong hoạt động của thị trường tài chính sẽ tiềm ẩn nguy cơ và dẫn đến khủng hoảng.

Cuộc khủng hoảng này đặt yêu cầu phải cơ cấu lại nền kinh tế tài chính trên phạm vi toàn cầu, cải tổ lại hoạt động của các định chế tài chính quốc tế như Ngân hàng

Thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) từ cấu trúc đến phương thức hoạt động trong hoàn cảnh mới.

Cuộc khủng hoảng này đánh dấu sự suy yếu vị thế kinh tế - tài chính của Mỹ, cùng với những khó khăn và thách thức khác đang làm giảm vị thế và hình ảnh của Mỹ trên trường quốc tế, điều này đẩy nhanh sự chuyển dịch kinh tế thế giới sang một hệ thống đa cực hơn, thúc đẩy xu hướng dần hình thành thế giới đa cực trong thời gian tới.

So sánh lực lượng giữa các nước lớn, giữa các trung tâm kinh tế và chính trị thế giới tiếp tục thay đổi sâu sắc. Sự trỗi dậy mạnh mẽ của một số nền kinh tế đang phát triển; trong đó, nổi bật nhất là Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Bra-xin tạo thành nhóm "tứ cường" BRIC thể hiện sự thay đổi sâu sắc trong cục diện kinh tế toàn cầu. Trong nhóm đó, phải kể đến sự phát triển nhanh chóng của Trung Quốc. Sau 30 năm thực hiện chính sách cải cách mở cửa, năm 2007, lần đầu tiên đóng góp của Trung Quốc vào tăng trưởng toàn cầu đã vượt Mỹ tính theo giá trị trường (17% so với 14%). Trung Quốc là nền kinh tế có quy mô đứng thứ 4 thế giới, với dự trữ ngoại tệ 1.900 tỉ USD. Tuy nhiên, với nền kinh tế có GDP hơn 14.000 tỉ USD, chiếm 27% GDP thế giới, trình độ quản lý, khoa học - công nghệ hiện đại, sức cạnh tranh cao, trong thời gian 10-15 năm tới, nhiều khả năng Mỹ vẫn là siêu cường duy nhất, chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế thế giới và quan hệ quốc tế, mặc dù vị thế quốc tế của Mỹ bị suy giảm nhiều so với trước.

Xu thế chuyển dịch của kinh tế thế giới sẽ tiến đến nền kinh tế đa cực: trong đó, các nền kinh tế lớn vừa hợp tác, vừa kiểm chế và cạnh tranh quyết liệt với nhau hơn.

2. Các biện pháp giải quyết cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu.

Các giải pháp được thực hiện trên phạm vi toàn cầu, phối hợp các quốc gia trong

khu vực và ở từng quốc gia nhằm tìm ra những giải pháp vừa mang tính tình huống giải quyết yêu cầu chống đỡ suy thoái kinh tế trước mắt, hạn chế tác động của cuộc khủng hoảng tài chính, vừa xác định chiến lược phát triển lâu dài trong bối cảnh quốc tế thay đổi nhanh chóng.

Nhìn chung, các giải pháp được thực thi trong thời gian qua như:

- Thực hiện cứu trợ hệ thống ngân hàng khỏi sụp đổ, hạn chế đồng nội tệ bị mất giá quá mức bằng cách bơm những khoản tiền lớn từ ngân sách, thực hiện mua lại các khoản nợ xấu, nâng mức bảo hiểm tiền gửi, chính phủ mua cổ phần hay thực hiện quốc hữu hóa các ngân hàng làm ăn thua lỗ.

- Điều chỉnh kinh tế vĩ mô, nới lỏng chính sách tài chính - tiền tệ, chuyển trọng tâm từ chống lạm phát sang chống suy thoái kinh tế, thông qua việc hạ lãi suất cơ bản, giảm dự trữ bắt buộc, miễn giảm thuế cho doanh nghiệp để kích thích kinh tế, kích cầu nội địa, chống nguy cơ giảm phát.

- Xây dựng cơ chế giám sát thị trường tài chính ở mức độ quốc gia và quốc tế, nhấn mạnh vai trò của các cơ chế hợp tác khu vực và các thể chế tài chính quốc tế trong việc trao đổi thông tin, giám sát quản lý hệ thống tài chính thế giới.

- Tăng cường phối hợp ở phạm vi quốc tế để đối phó với các diễn biến, tác động xấu của cuộc khủng hoảng, xem xét việc cải tổ hệ thống tài chính toàn cầu, mà trước hết là Quỹ tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới, tiến tới xây dựng một mô hình, cơ chế tài chính tiền tệ quốc tế mới.

Theo hướng này, cần phải kể đến các hội nghị quốc tế và khu vực như Hội nghị Thượng đỉnh EU, Hội nghị Thượng đỉnh Á - Âu lần thứ 7 (ASEM-7) tại Bắc Kinh, Trung Quốc; Hội nghị cấp cao các nước sử dụng tiếng Pháp lần thứ 12 tại Quê-béc, Ca-na-đa; Hội nghị Thượng đỉnh G-20 bao gồm các nước công nghiệp phát triển và các nền kinh tế mới nổi họp ngày 15 và 16-

11-2008 tại Oa-sinh-ton, Mỹ và gần đây là Hội nghị cấp cao APEC 16 họp tại thủ đô Li-ma, Pê-ru ngày 23 và 24-11-2008 với sự tham gia của 21 nhà lãnh đạo thành viên APEC. Ngoài ra, còn có nhiều cuộc họp, thỏa thuận giữa các nước trong các khu vực và quốc tế nhằm phối hợp ứng phó với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Nhìn chung, những giải pháp tổng thể trên mặc dù có tác dụng ban đầu song về lâu dài còn hạn chế hiệu quả do thiếu đồng bộ, nhất quán trên phạm vi quốc tế, điều này ảnh hưởng đến quá trình khắc phục suy thoái kinh tế toàn cầu.

3. Tác động cuộc khủng hoảng tài chính đối với Việt Nam và kiến nghị.

Cuộc khủng hoảng tài chính lần này nổ ra tại Mỹ và các nền kinh tế lớn trên thế giới, mang tính cơ cấu và thể chế sâu sắc. Trong điều kiện toàn cầu hóa, mức độ tùy thuộc của kinh tế Việt Nam vào kinh tế khu vực và thế giới ngày càng lớn, do vậy, tác động của cuộc khủng hoảng đến nền kinh tế nước ta là không nhỏ, đòi hỏi cần có các giải pháp hạn chế thấp nhất tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính đối với kinh tế Việt Nam, ngăn chặn suy giảm kinh tế vừa kiềm chế lạm phát, đảm bảo sự ổn định của kinh tế vĩ mô.

Mặt khác, chúng ta cần tranh thủ những thời cơ điều kiện khách quan bên ngoài, phát huy những thành quả đạt được và lợi thế của đất nước để đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải cách thể chế, khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực.

Sau hơn 20 năm đổi mới, nhất là sau hai năm gia nhập WTO, nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu rộng, mức độ phụ thuộc ngày càng lớn vào nền kinh tế thế giới. Năm 2008, với kim ngạch xuất khẩu ước tính đạt 64 tỉ USD, nhập khẩu đạt 82 tỉ USD, GDP đạt 86 tỉ USD, thì tỉ trọng giá trị xuất và nhập khẩu trên GDP của ta đã đạt gần 170%; tỉ trọng này cao hơn mức trung bình của khu vực và thế giới (chỉ số

này trong khối ASEAN là 132% và của thế giới là 50%). Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đang tích đạt trên 60 tỉ USD, nguồn vốn thực hiện ước 11 tỉ USD, vốn nước ngoài chiếm đến hơn 30% tổng vốn đầu tư xã hội. Mức độ mở của nền kinh tế Việt Nam là rất lớn. Do vậy, mặc dù có độ trễ song cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đang tác động mạnh đối với kinh tế Việt Nam. Kinh nghiệm cho thấy, trong cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á năm 1997-1998, tuy nước ta hội nhập chưa sâu, trình độ kinh tế thị trường còn sơ khai, nhất là thị trường chứng khoán, nhưng tác động của cuộc khủng hoảng này đối với kinh tế Việt Nam là sâu rộng: GDP giảm sút liên tục nhiều năm từ 8,2% năm 1997 xuống còn 5,8% năm 1998, rồi 4,8% năm 1999. Chỉ đến năm 2000, tốc độ tăng trưởng GDP mới phục hồi dần. Kim ngạch xuất khẩu và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong giai đoạn này cũng giảm sút nghiêm trọng.

- Trước hết, tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu hiện nay sẽ làm cho xuất khẩu giảm sút tại các thị trường truyền thống như Mỹ, EU, Nhật Bản, xu hướng là thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, sự cạnh tranh với hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc và các nước khác sẽ càng gay gắt. Ngoài ra, xu hướng giảm phát do suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm cho nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam giảm giá rõ rệt như dầu thô, gạo, cà phê, cao su...

Nhập khẩu có xu hướng gia tăng do giá cả trên thị trường thế giới giảm, mặt khác, do thuế suất giảm theo cam kết quốc tế. Điều này sẽ gây sức ép lên sản xuất trong nước. Đặc biệt là hàng hóa của các nước trong khu vực, nhất là của Trung Quốc, tuy có cơ cấu chủng loại gần giống nhau nhưng do giá cả rẻ hơn, điều kiện địa lý vận chuyển dễ nên xu hướng nhập siêu có thể tăng.

- Làm giảm nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Trong điều kiện

khủng hoảng tài chính, dòng vốn đầu tư nước ngoài cả trực tiếp và gián tiếp, nguồn vốn tài trợ ODA vào Việt Nam có xu hướng giảm do các nước đầu tư tập trung nguồn vốn của mình để chống đỡ với suy thoái kinh tế. Theo Hiệp hội các tổ chức thúc đẩy đầu tư thế giới (WAIPA), đầu tư trực tiếp nước ngoài có thể giảm từ 12-15% trong năm 2009 do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu.

Nguồn vốn đầu tư gián tiếp năm 2007 đã tăng lên đến 6,5 tỉ USD, tuy nhiên, đầu năm 2008 đến nay, lượng vốn này có xu hướng giảm. Trong điều kiện thị trường chứng khoán gặp nhiều khó khăn do tác động suy giảm của chứng khoán toàn cầu, chỉ số VN-INDEX đã giảm từ gần 1.200 điểm xuống còn dưới 300 điểm, nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng rút vốn khỏi thị trường, trong khi thị trường bất động sản có xu hướng bị đóng băng. Do vậy, cần có giải pháp để phục hồi nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong thời gian tới, đồng thời có các công cụ để quản lý hiệu quả dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài.

Khủng hoảng tài chính toàn cầu còn tác động làm giảm lượng khách du lịch quốc tế vào Việt Nam, do suy thoái kinh tế nên thu nhập cá nhân và nhu cầu du lịch có chiều hướng giảm.

- Ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Năm 2008, dự kiến tăng trưởng GDP ước đạt 6,23%, mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2009 là 6,5%. Trong điều kiện khủng hoảng tài chính toàn cầu với nhiều biến động, cần xây dựng các phương án đối ứng kịp thời. Nếu tình hình thuận lợi, tăng trưởng GDP có thể đạt trên 6,5%, nhưng nếu khó khăn có thể đạt dưới 6,5% nhưng sẽ không thấp quá để làm nảy sinh các vấn đề về xã hội như việc làm, thu nhập.

- Đặt ra những thách thức lớn đối với nền kinh tế, các doanh nghiệp Việt Nam và hệ thống tài chính ngân hàng. Trong điều

kiện mở cửa thị trường hội nhập, thực hiện các cam kết quốc tế, theo đánh giá của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), sức cạnh tranh của kinh tế Việt Nam, các doanh nghiệp và sản phẩm thời gian qua còn thấp, chậm được cải thiện. Mô hình tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào vốn, lao động và khai thác tài nguyên, hệ thống tài chính ngân hàng còn nhiều khó khăn, với tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu đang đặt ra những thách thức gay gắt trong thời gian tới.

Sau hai năm gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), kinh tế Việt Nam bộc lộ rõ yếu kém nội tại, do sức cạnh tranh thấp, năng lực quản lý hạn chế, độ mở kinh tế lớn khiến Việt Nam ngày càng dễ bị tổn thương, chịu tác động tiêu cực nhiều hơn, nhanh hơn và phức tạp hơn trước biến động xấu của kinh tế thế giới.

Thách thức lớn hiện nay đối với nền kinh tế là vẫn phải thực hiện nhiệm vụ vừa kiềm chế lạm phát, vừa phải chủ động chống suy giảm kinh tế. Thời gian đầu năm khi tập trung cho các giải pháp kiềm chế lạm phát, chúng ta chưa lường hết được tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, xu hướng suy giảm kinh tế. Đây là hai vấn đề vừa mâu thuẫn nhau vừa tác động tương hỗ nhau, đòi hỏi cần có sự phối hợp chính sách linh hoạt, hợp lý.

Các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn do lãi suất vay vốn cao. Gần đây, những yếu tố trên được cải thiện nhưng cũng còn nhiều khó khăn về định hướng sản xuất, tiếp cận thị trường mới. Trong điều kiện sức mua trong nước và thế giới giảm sút, sức cạnh tranh trở nên quyết liệt hơn, xu hướng bảo hộ bằng các hàng rào kỹ thuật ngày càng tinh vi, phức tạp. Theo báo cáo của Hiệp hội công thương thành phố Hà Nội, chi phí vay vốn tăng cao, giá nguyên liệu đầu vào lên xuống thất thường ảnh hưởng trực tiếp đến doanh số và hoạt động kinh doanh. Kết quả khảo sát cho

thấy, 41% số doanh nghiệp co cụm chờ thời, 22% không có kế hoạch đầu tư trong 3 năm tới.

Để hạn chế tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính, vượt qua thách thức, biến thách thức thành thời cơ, cần nắm vững mục tiêu tổng quát được xác định là ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý, bền vững, tiếp tục kiềm chế lạm phát, chủ động ngăn ngừa suy giảm kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện đồng bộ 5 nhóm giải pháp mà Chính phủ đề ra; trong đó, có giải pháp kích cầu cả gói trị giá 6 tỉ USD. Theo chúng tôi, cần tập trung vào các định hướng giải pháp sau:

- Có các giải pháp tổng thể để kích cầu, đưa vốn, sử dụng các nguồn lực dư thừa để kích thích kinh tế. Thực tế cho thấy, công việc này còn khó hơn nhiều so với chống lạm phát.

Theo hướng này, cần xây dựng chương trình kích cầu chống giảm phát thông qua kích cầu đầu tư và kích cầu tiêu dùng như huy động các nguồn lực xi măng, sắt thép để đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thông qua việc xây dựng hạ tầng cơ sở, đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương, thủy lợi hóa, đưa vốn vào các công trình phúc lợi xã hội quan trọng như đầu tư nhà cho người nghèo. Để thực hiện các chương trình kích cầu có hiệu quả nên xây dựng tiêu chí chọn lựa dự án đầu tư, đảm bảo sự minh bạch, công khai, thủ tục hành chính đơn giản nhằm quản lý chặt chẽ, hiệu quả các dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước.

- Chú ý khai thác tiềm năng, phát triển thị trường trong nước, đặc biệt trong bối cảnh nước ta mở cửa thị trường hội nhập theo lộ trình của AFTA, WTO... cho các nước khác.

Để hạn chế sự suy giảm về kim ngạch xuất khẩu, ngoài các thị trường truyền thống, cần xây dựng kế hoạch khai thác phát

(Xem tiếp trang 42).